

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG CHỨNG VIÊN THEO YÊU CẦU CỦA LUẬT CÔNG CHỨNG NĂM 2014

■ HOÀNG NGỌC LAN

Luật Công chứng năm 2014 được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 7 ngày 20/6/2014 với chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động công chứng, nâng cao chất lượng và tính bền vững của hoạt động công chứng, từng bước phát triển nghề công chứng Việt Nam phù hợp với thông lệ quốc tế. Cùng với việc bổ sung các quy định về tổ chức hành nghề công chứng, việc hành nghề công chứng, thủ tục công chứng, quản lý nhà nước về công chứng..., thì việc nâng cao chất lượng của công chứng viên - chủ thể trực tiếp thực hiện việc công chứng các hợp đồng và các giao dịch khác cũng là một trong những mục tiêu quan trọng của Luật Công chứng năm 2014.

Các quy định về công chứng viên trong Luật Công chứng năm 2014 về cơ bản được kế thừa các quy định của Luật Công chứng năm 2006, nhưng có bổ sung, thay đổi một số quy định về tiêu chuẩn công chứng viên, đào tạo nghề công chứng, tập sự hành nghề công chứng, kiểm tra tập sự hành nghề công chứng... với mục tiêu nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công chứng viên. Một số quy định về công chứng viên theo Luật Công chứng năm 2014, cụ thể:

Thứ nhất, về định nghĩa công chứng viên

Xuất phát từ quan điểm công chứng viên là chủ thể có tác động quyết định đến toàn bộ hoạt động công chứng và chất lượng văn bản công chứng, Luật Công chứng năm 2014 quy định rõ: “Công chứng viên là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật này, được Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm để hành nghề công chứng”¹.

Thứ hai, về tiêu chuẩn công chứng viên²

Về cơ bản Luật Công chứng năm 2014 kế thừa các quy định của Luật Công chứng năm 2006 về các tiêu chuẩn công chứng viên, vì các quy định này đã thể hiện được những yêu cầu khá cao của Nhà nước đối với những người muốn được xem xét, bổ nhiệm làm công chứng viên. Tuy nhiên, Luật Công chứng năm 2014 đã sửa đổi, bổ sung và quy định lại các tiêu chuẩn công chứng viên để đảm bảo tính chặt chẽ, chính xác của quy định pháp luật đối với vấn đề này. Ví dụ như, thay quy định “đã qua thời gian tập sự hành nghề công chứng” bằng quy định “đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng”.

Thứ ba, về đào tạo nghề công chứng³

Thời gian đào tạo nghề công chứng theo Luật Công chứng năm 2006 là sáu tháng. Tuy nhiên, thực tiễn đào tạo nghề công chứng trong thời gian qua cho thấy khoảng thời gian sáu tháng là chưa đủ để trang bị kỹ năng chuyên sâu cần thiết trong hành nghề công chứng, đặc biệt là các kỹ năng xác định giấy tờ giả, nhận diện người yêu cầu công chứng..., để đảm bảo chất lượng công chứng viên, trong thời gian đào tạo nghề, học viên còn cần có thời gian kiến tập, thực tập những kiến thức thu nhận được tại một tổ chức hành nghề công chứng để nâng cao khả năng áp dụng kiến thức trong thực tiễn.

Vì vậy, Luật Công chứng năm 2014 quy định thời gian đào tạo nghề là mười hai tháng nhằm có đủ thời gian để trang bị đầy đủ hơn các quy định pháp luật về công chứng cũng như pháp

luật chuyên ngành, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu cho công chứng viên và có thêm thời gian cần thiết để học viên được thực tập nhằm cọ sát, kiểm nghiệm trong thực tế các kiến thức được cung cấp...

Thứ tư, về đối tượng được miễn đào tạo nghề công chứng⁴

Luật Công chứng năm 2014 kế thừa quy định của Luật Công chứng năm 2006 về đối tượng được miễn đào tạo nghề công chứng, đó là những người đã là thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên; luật sư; giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật, tiến sỹ luật; đã là thẩm tra viên cao cấp Ngành Tòa án, kiểm tra viên cao cấp Ngành Kiểm sát; chuyên viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp, giảng viên cao cấp trong lĩnh vực pháp luật. Tuy nhiên, điểm mới của Luật Công chứng năm 2014 về vấn đề này là các đối tượng thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên, luật sư phải có thời gian công tác ít nhất năm thay cho ba năm, các đối tượng được miễn đào tạo phải tham gia khóa bồi dưỡng nghề công chứng trong thời gian ba tháng trước khi đề nghị bổ nhiệm công chứng viên. Lý do là, mặc dù các đối tượng được miễn đào tạo nghề là những người có trình độ pháp luật cao, có kinh nghiệm công tác lâu năm nhưng có thể ở những lĩnh vực pháp luật khác nên cần có thời gian bồi dưỡng để được trang bị kỹ năng hành nghề công chứng, như kỹ năng áp dụng pháp luật, xử lý tình huống, xác định đối tượng, chủ thể của hợp đồng, giao dịch, kỹ năng xác định, phân biệt giấy tờ, con dấu, chữ ký là thật hay giả... và đạo đức hành nghề công chứng, nhằm đảm bảo cho hoạt động hành nghề sau này đạt chất lượng.

Thứ năm, về tập sự hành nghề công chứng⁵

Về cơ bản, quy định về tập sự hành nghề công chứng được giữ nguyên như quy định tại Điều 15 của Luật Công chứng năm 2006, bao gồm: Thời gian tập sự, địa điểm tập sự, nghĩa vụ của người tập sự... Tuy nhiên, Luật Công chứng năm 2014

quy định cụ thể hơn về tiêu chuẩn, trách nhiệm của công chứng viên hướng dẫn⁶; những vấn đề cụ thể về tập sự hành nghề công chứng sẽ được quy định tại Quy chế tập sự hành nghề công chứng do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.

Theo quy định của Luật Công chứng năm 2006, thì người được miễn đào tạo nghề công chứng được miễn tập sự hành nghề công chứng. Quy định như vậy là chưa phù hợp, vì qua quá trình tập sự, người tập sự được hướng dẫn, tiếp cận trực tiếp về chuyên môn nghiệp vụ công chứng, kỹ năng hành nghề công chứng và cách thức ứng xử theo Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng. Nói cách khác, việc tập sự hành nghề công chứng có ý nghĩa rất quan trọng đối với chất lượng đầu ra của đội ngũ công chứng viên. Hầu hết các nước trên thế giới đều quy định một chế độ tập sự nghiêm ngặt đối với người muốn trở thành công chứng viên.

Để khắc phục hạn chế nêu trên của Luật Công chứng năm 2006, Luật Công chứng năm 2014 đã quy định các đối tượng được miễn đào tạo nghề công chứng vẫn phải tập sự hành nghề công chứng. Tuy nhiên, vì người được miễn đào tạo đã có kinh nghiệm công tác pháp luật, nên họ được giảm một nửa thời gian tập sự so với những người phải qua đào tạo nghề công chứng. Cụ thể, thời gian tập sự của những đối tượng được miễn đào tạo nghề công chứng là sáu tháng.

Thứ sáu, về kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng

Đây là một điểm mới của Luật Công chứng năm 2014 so với Luật Công chứng năm 2006. Cụ thể là, theo quy định của Luật Công chứng năm 2006, thì quá trình tập sự sẽ hoàn thành khi hết thời gian tập sự và người tập sự gửi báo cáo bằng văn bản về Sở Tư pháp nơi họ đăng ký tập sự. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Công chứng năm 2014, thì người đã hoàn thành thời gian tập sự (mười hai tháng đối với người phải tham gia đào tạo nghề

công chứng và sáu tháng đối với người được miễn đào tạo nghề) được tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng do Bộ Tư pháp tổ chức kiểm tra. Người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng được Hội đồng kiểm tra cấp giấy chứng nhận để làm cơ sở cho việc đề nghị bổ nhiệm công chứng viên.

Thứ bảy, về bổ nhiệm công chứng viên?

Luật Công chứng năm 2014 quy định tất cả các đối tượng muốn được bổ nhiệm công chứng viên đều phải trải qua thời gian tập sự hành nghề công chứng, cho nên Điều 12 của Luật Công chứng năm 2014 không phân định hai thủ tục bổ nhiệm công chứng viên (với người phải tập sự và người được miễn tập sự) như Luật Công chứng năm 2006. Thay vào đó, Luật Công chứng năm 2014 quy định tất cả các đối tượng đề nghị bổ nhiệm đều phải tuân thủ một trình tự chung sau khi đã đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự. Cụ thể là: Người đề nghị bổ nhiệm lập hồ sơ đề nghị gửi Sở Tư pháp địa phương nơi đăng ký tập sự; Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm đối với những trường hợp đáp ứng yêu cầu hoặc trả lời bằng văn bản trong trường hợp từ chối đề nghị. Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định bổ nhiệm công chứng viên trong thời hạn hai mươi ngày làm việc sau khi nhận được văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ của Sở Tư pháp. Người bị Sở Tư pháp từ chối đề nghị bổ nhiệm hoặc bị Bộ Tư pháp từ chối bổ nhiệm đều có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Thứ tám, về thẻ công chứng viên?

Luật Công chứng năm 2014 quy định: Thẻ

công chứng viên là căn cứ chứng minh tư cách hành nghề công chứng của công chứng viên. Công chứng viên phải mang theo Thẻ công chứng viên khi hành nghề công chứng. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết mẫu Thẻ công chứng viên, thủ tục đăng ký hành nghề, cấp, cấp lại và thu hồi Thẻ công chứng viên⁹. Đây là điểm mới khá rõ nét so với Luật Công chứng năm 2006.

Bên cạnh đó, Luật Công chứng năm 2014 cũng đã bổ sung nguyên tắc hành nghề công chứng, chịu trách nhiệm trước pháp luật của công chứng viên đối với hoạt động hành nghề của mình¹⁰; công chứng viên có nghĩa vụ hành nghề dưới sự quản lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và giám sát của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên. Trong trường hợp gây thiệt hại cho người yêu cầu công chứng, tổ chức, cá nhân khác, thì công chứng viên phải bồi thường theo quy định của pháp luật¹¹; bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của công chứng viên là loại hình bảo hiểm bắt buộc¹²... Những sửa đổi, bổ sung này nhằm làm rõ địa vị pháp lý của công chứng viên là người thay mặt Nhà nước thực hiện dịch vụ công khi thực hiện công chứng, nhưng phải chịu sự quản lý, kiểm soát của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để bảo đảm việc hành nghề đúng pháp luật, thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Từ những điểm mới về chế định công chứng viên được quy định trong Luật Công chứng năm 2014, có thể khẳng định việc nâng cao chất lượng công chứng viên và chất lượng hoạt động công chứng là mục tiêu quan trọng nhất mà Luật Công chứng năm 2014 hướng tới □

1. Xem: Khoản 2 Điều 2 Luật Công chứng năm 2014.

2. Xem: Điều 8 Luật Công chứng viên năm 2014.

3. Xem: Điều 9 Luật Công chứng năm 2014.

4. Xem: Điều 10 Luật Công chứng năm 2014.

5. Xem: Điều 11 Luật Công chứng năm 2014.

6. Xem: Khoản 3 Điều 11 Luật Công chứng năm 2014.

7. Xem: Điều 12 Luật Công chứng năm 2014.

8. Xem: Điều 36 Luật Công chứng năm 2014.

9. Xem: Khoản 1 và khoản 3 Điều 36 Luật Công chứng năm 2014.

10. Xem: Điều 4 Luật Công chứng năm 2014.

11. Xem: Điều 38 Luật Công chứng năm 2014.

12. Xem: Điều 37 Luật Công chứng năm 2014.